

Số: /GPMT-BQL

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 08/CV-HT ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Trang về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo và đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở Nhà máy may nệm các loại, gia công cơ khí phục vụ đan nhựa giả mây và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Trang, địa chỉ trụ sở chính tại lô AI-10, Khu công nghiệp Long Mỹ, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ

môi trường của cơ sở Nhà máy may nệm các loại, gia công cơ khí phục vụ đan nhựa giả mây tại Lô AI-10, Khu công nghiệp Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may nệm các loại, gia công cơ khí phục vụ đan nhựa giả mây.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô AI-10, KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 4100648666 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài chính) cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/11/2024.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 344/QĐ-BQL ngày 01/10/2020 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 282/QĐ-BQL ngày 29/5/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

1.4. Mã số thuế: 4100648666

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: may nệm, sản xuất bàn, ghế cơ khí kết hợp đan nhựa giả mây.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích đất: 19.659 m².

- Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Công suất:

+ Hàng nệm các loại: 1.000.000 sản phẩm/năm.

+ Đan nhựa giả mây: 20.000 bộ sản phẩm/năm.

+ Gia công cơ khí: 800 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình may nệm mousse: Nguyên liệu vải cây → Cắt theo quy cách → May vải đã cắt thành áo nệm → Bọc mousse, may → Vào áo nệm → KCS thành phẩm, đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất gối: Nguyên liệu vải cây → Cắt theo quy cách → May vải đã cắt thành áo gối → Bơm bông gòn, may miệng gối → Vào áo gối →

KCS thành phẩm, đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

+ Quy trình gia công cơ khí: Nguyên liệu ống thép mạ kẽm → Cắt định hình → Hàn thành khung → Làm sạch mối hàn → KCS kiểm tra → Nhúng tẩy rửa làm sạch bề mặt kim loại (Tẩy dầu kiềm → Rửa nước 1 → Rửa nước 2 → Ngâm định hình → Ngâm bề mặt phát → Rửa nước 3 → Để khô) → Sơn tĩnh điện → Sấy khô → Khung kim loại thành phẩm.

+ Quy trình đan nhựa giả mây: Khung kim loại thành phẩm → Đan thủ công dây nhựa vào khung → KCS kiểm tra, đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Trang:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Trang có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc đầu nối nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế và Chính quyền địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế

để được xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 20 tháng 6 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Đại diện Ban Quản lý tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND TP Quy Nhơn;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- UBND xã Phước Mỹ;
- Công ty TNHH TM và DV Hoàng Trang;
- Công ty CP ĐTXD Bình Định;
- Lãnh đạo Ban;
- VP Ban (để công khai trên cổng thông tin điện tử của Ban Quản lý KKT);
- Các Phòng: QLĐT, QLQH XD, QLDN;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường vì nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Mỹ; nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình tẩy rửa khung kim loại) được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà văn phòng, nhà vệ sinh số 01 và số 02 sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, được thu gom bằng đường ống nhựa HPDE D200mm về hố gom nước thải và đầu nối về hố ga của KCN.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh 03 bể chứa nước rửa thuộc công đoạn nhúng tẩy rỉ làm sạch bề mặt kim loại định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường.

* Vị trí hố gas đầu nối nước thải có tọa độ: X= 1.518.464; Y= 595.381 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108⁰15', múi chiều 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

- + Nước thải từ nhà văn phòng và các nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc) → Hố thu gom → hố ga của KCN.

- + Nước thải phát sinh từ 03 bể chứa nước rửa thuộc công đoạn nhúng tẩy rỉ làm sạch bề mặt kim loại → được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, không xả thải ra môi trường.

- Công suất của công trình, thiết bị xử lý:

- + Bể tự hoại: 03 bể tại khu nhà văn phòng và 02 khu nhà vệ sinh công nhân có dung tích 6.28 m³/bể.

- + Bể chứa nước rửa khung kim loại: 03 bể, dung tích 14,72m³/bể.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến nước thải theo đúng quy định của pháp luật, bao gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước thải tại cơ sở và đầu nối nước thải theo đúng nội dung Đồ án Quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thu gom, xử lý và thoát nước thải của cơ sở đảm bảo hệ thống thoát nước luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Định kỳ nạo vét các hố ga trên đường ống thoát nước thải chung và hút bùn, cặn tại bể tự hoại và các bể chứa nước thải sản xuất để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý sơ bộ nước thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

3.2. Thu gom, xử lý sơ bộ, đầu nối toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt trong phạm vi cơ sở vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN, không xả thải ra môi trường.

3.3. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng và thực hiện đầy đủ các quy định về chuyên giao, xử lý chất thải đối với nguồn nước thải sản xuất, không xả thải ra môi trường.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường.

Phụ lục 02**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI (BỤI)

1. Nguồn phát sinh khí thải (bụi): từ hệ thống phun sơn tĩnh điện.

2. Dòng khí thải (bụi), vị trí xả khí thải (bụi):

2.1. Vị trí xả khí thải (bụi): Tại miệng ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi khu vực phun sơn tĩnh điện, tọa độ: X = 1.518.386; Y = 595.518 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải (bụi) lớn nhất: 20.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải (bụi): Xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất, tối đa 08 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải (bụi) trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, K_p = 1,0, K_v = 1,0, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không	Không thuộc đối tượng
02	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (BỤI)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải (bụi):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải (bụi) từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Bụi phát sinh từ hệ thống phun sơn tĩnh điện được thu gom trực tiếp vào hệ thống xử lý thông qua quạt hút có công suất 20HP.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải (bụi):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi thải → Hệ thống Filter lọc bụi túi vải → Ống thoát → Thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải (bụi) theo đúng quy trình kỹ thuật của hệ thống đã được cung cấp chuyển giao.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống đường ống thu gom và xử lý khí thải (bụi) để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý khí thải (bụi) đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố xảy ra, Công ty phải tạm dừng hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải (bụi) để xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý khí thải (bụi) của cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải (bụi) phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý khí thải (bụi); sàn thao tác tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải (bụi) phải luôn đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo không để bụi, khí thải phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi cơ sở. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các hệ thống xử lý và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.4. Trong quá trình hoạt động dự án, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý khí thải (bụi), Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải (bụi) không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 03
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 6 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực xưởng sản xuất gia công kim loại.
- Nguồn số 2: Khu vực xưởng hàn sơn tĩnh điện.
- Nguồn số 3: Khu vực hoạt động của máy nén khí.

2. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 04:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày /06/2025 của
Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	02	16 01 06
02	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	05	17 02 03
03	Các loại pin, ắc quy chì thải	15	19 06 01
04	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	05	16 01 13
05	Bùn thải có các thành phần nguy hại (cặn lắng tại các bể chứa hóa chất làm sạch bề mặt kim loại)	1.848	07 01 05
Tổng cộng		1.875	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát (thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT):

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
01	Bụi sơn (lượng không thu hồi tái sử dụng cho sản xuất).	30	08 01 01
02	Nước thải từ quá trình tẩy rửa làm sạch bề mặt kim loại	26.400	07 01 06
03	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (can, thùng chứa hóa chất)	50	18 01 03
04	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải (bao bì đựng hóa chất)	15	18 01 01
05	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, túi vải lọc bụi sơn bị hư hỏng thải bỏ	50	18 02 01
06	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	35	07 04 02
Tổng cộng		26.580	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Mẫu sắt vụn, mặt cưa trong quá trình gia công cơ khí	16.326
2	Dây nhựa giả mây vụn thải bỏ	1.800
3	Vải rỏ, mousse rỏ thải bỏ	250
4	Thùng carton hỏng, dây buộc thải bỏ, cuộn băng keo thải bỏ,...	240
5	Đinh, ghim, ốc vít hỏng	50
	Tổng cộng	18.666

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng: khoảng 0,45 tấn/tháng.

- Chủng loại: chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên của dự án.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải rắn thông thường phải kiểm soát:

2.1.1. Khu vực lưu chứa nước thải, bùn cặn thải từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại:

- Nước thải và bùn cặn thải phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại được lưu chứa tại 03 bể chứa nước rửa và 03 bể hóa chất trong dây chuyền gia công cơ khí, dung tích 14,72m³/bể và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

- Thiết kế cấu tạo của các bể được xây dựng kín, khít chống thấm, được bố trí trong khu vực nhà xưởng có mái che tránh nước mưa chảy vào, mực nước chỉ lưu chứa tối đa 60% dung tích bể để đảm bảo tránh việc chảy tràn nước thải.

2.1.2. Thiết bị khu vực lưu chứa chất thải nguy hại khác:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại kho chứa chất thải nguy hại để lưu chứa.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho chứa: Xây dựng 01 kho chứa, diện tích 08m², tại vị trí phía Tây Nam mặt bằng để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nền bê tông chống thấm, kín khít, không bị thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; rãnh chống tràn đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); bên trong dán

mã chất thải và bố trí thùng chuyên dụng để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, loại 240 lít đặt tại khu vực sản xuất và kho chứa tập trung để lưu chứa.

2.1.2. Khu vực/kho chứa:

- Khu vực chứa mẫu sắt vụn, mặt sắt trong quá trình gia công cơ khí: diện tích 60 m² tại khu vực mái che 01 phía Đông Nam mặt bằng.

- Kho lưu chứa các thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường còn lại Dây nhựa giả mây vụn thải bỏ, vải rỏ, thùng carton thải, dây buộc thải bỏ, cuộn băng keo thải bỏ,...): diện tích 12 m², tại vị trí phía Tây Nam mặt bằng.

* Kết cấu kho/khu vực lưu chứa: được xây dựng có nền bê tông, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, rạn nứt; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, không để nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; tường bao xung quanh không để phát tán chất thải ra môi trường xung quanh hoặc nước mưa xâm nhập từ bên ngoài vào trong kho.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại các khu vực dọc xưởng sản xuất, đường nội bộ, nhà ăn ca, văn phòng làm việc để phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: không bố trí.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, Chủ cơ sở phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Chủ cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại các thành phần chất thải và định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng

ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Phụ lục 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định)

1. Công khai Giấy phép môi trường của Dự án trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Phước Mỹ trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Trồng cây xanh trong phạm vi mặt bằng đảm bảo tỷ lệ diện tích theo quy hoạch được duyệt.

4. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.

5. Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như chất thải nguy hại. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

7. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hoá chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại Dự án.

9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.